

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới tại Phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 588/TTr-SNNMT ngày 10/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới tại Phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ánh Dương Hạ Long (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 782/QĐ-SNNMT ngày 29/10/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ dự án “Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới tại Phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng; UBND phường Từ Sơn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ánh Dương Hạ Long và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, THĐT;
- Trung tâm thông tin tỉnh, Trung tâm phục vụ HCC tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT- Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN Tân

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án “Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới tại Phường Đình Bảng,
thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh”
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: “Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới tại phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh”.
- Địa điểm thực hiện dự án: Phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ánh Dương Hạ Long.
- Mã số thuế đơn vị: 0109791575.
- Địa chỉ liên hệ: Tầng 29, Toà Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 đường Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2. Quy mô, công suất

- Quy mô diện tích: Khoảng 20,52 ha.
- Quy mô dân số: Khoảng 4.001 người.
- Quy hoạch sử dụng đất:
 - + Đất nhà ở liền kề, biệt thự có tổng diện tích 50.339,8m², chiếm 24,54% tổng diện tích đất quy hoạch, gồm 352 lô đất.
 - + Đất nhà ở xã hội có diện tích 15.066,1m², chiếm 7,35% tổng diện tích đất quy hoạch, gồm 735 căn.
 - + Đất giáo dục có tổng diện tích 12.400,0m², chiếm 3,87% diện tích đất quy hoạch.
 - + Đất văn hóa - thể dục thể thao có tổng diện tích 10.557,1m², chiếm 5,15% diện tích đất quy hoạch.
 - + Đất y tế có tổng diện tích 1.061,0m², chiếm 0,52% diện tích đất quy hoạch.
 - + Đất thương mại dịch vụ có tổng diện tích 19.027,3m², chiếm 9,27% diện tích đất quy hoạch.
 - + Đất cây xanh có tổng diện tích khoảng 20.175,2m², chiếm 9,83% diện tích đất quy hoạch.
 - + Đất bãi đỗ xe có tổng diện tích 5.522,9m², chiếm 2,69% diện tích đất quy hoạch.
 - + Đất hạ tầng kỹ thuật có diện tích 4.903,7m², chiếm 2,39% diện tích đất quy hoạch.
 - + Đất giao thông có tổng diện tích 66.112,5m², chiếm 32,22% diện tích đất quy hoạch.

1.3. Công nghệ sản xuất

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới tại phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh trên diện tích là 20,52 ha.

1.4. Phạm vi

Dự án được thực hiện trên diện tích là 20,52 ha tại phường Từ Sơn.

1.4.1. Các hạng mục công trình:

- Các hạng mục công trình chính: Khu nhà ở thấp tầng (nhà ở liền kề và nhà ở biệt thự); khu nhà ở cao tầng (nhà ở xã hội); Công trình giáo dục (Trường mầm non và trường liên cấp); công trình y tế; công trình văn hóa, thể dục, thể thao; cây xanh sử dụng công cộng; công trình thương mại dịch vụ; khu vực bãi đỗ xe; hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án.

- Các hạng mục công trình phụ trợ: Xây dựng, lắp đặt và vận hành: Hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống cấp nước cứu hỏa; hệ thống cấp nước tưới cây xanh, vườn hoa khu đô thị; hệ thống thu gom và thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước thải.

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt, 01 trạm bơm nước thải chuyển bậc; 01 kho chứa chất thải nguy hại (khoảng 10m²/kho).

1.4.2. Các hoạt động của dự án:

- Hoạt động thi công, xây dựng: GPMB, san nền, thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án, xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch.

- Hoạt động vận hành dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ là 16ha, là yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được phủ sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Tác động của nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường; từ hoạt động thi công, như: vệ sinh xe vận chuyển nguyên vật liệu ra vào công trường, dụng cụ, thiết bị trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình.

- Tác động của bụi, khí thải: Phát sinh từ các hoạt động san lấp mặt bằng, từ hoạt động của phương tiện vận tải thực hiện, vận chuyển nguyên liệu xây dựng ra vào dự án, hoạt động của máy móc, phương tiện thi công xây dựng.

- Tác động của chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động phục vụ thi công xây dựng dự án.

- Tác động của chất thải rắn thông thường: Phát sinh trong quá trình thi công các hạng mục công trình của dự án.

- Tác động của chất thải nguy hại: Phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu,... của máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển.

- Tác động của tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ hoạt động của phương tiện thi công trên công trường, các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Tác động của nước thải: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân và các hoạt động công cộng, dịch vụ trong dự án. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh,...

- Tác động của bụi, khí thải: Phát sinh chủ yếu do hoạt động của các phương tiện cơ giới ra vào khu vực dự án; mùi phát sinh từ khu lưu trữ chất thải của dự án,...

- Tác động của chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động hằng ngày như rác vô cơ (bao bì, giấy, túi nilon,...) và các chất hữu cơ dễ phân hủy.

- Tác động của chất thải nguy hại: Phát sinh khi dự án đi vào hoạt động chủ yếu, như: Pin, ắc quy thải; bóng đèn huỳnh quang thải và các loại chất thải khác; giẻ lau dính dầu mỡ thải; các loại dầu mỡ thải;...

- Tác động của tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ các hoạt động của phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án và hoạt động vui chơi giải trí.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công

- Nước thải sinh hoạt: Hoạt động của công nhân thi công phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng tối đa khoảng $3,2\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật gây bệnh,...

- Nước thải xây dựng: Quá trình vệ sinh xe vận chuyển nguyên vật liệu ra vào công trường, dụng cụ, thiết bị trong quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là đất, cát,... với lưu lượng khoảng $2,8\text{m}^3/\text{ngày}$.

- Nước mưa chảy tràn: Kéo theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng vào nguồn nước mặt trong khu vực.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh khoảng $476,14\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (gồm: Nước thải sinh hoạt của cư dân trong khu đô thị; Nước thải sinh hoạt từ các khu thương mại dịch vụ, công trình giáo dục, văn hóa, thể thao, y tế). Thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật,....

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân, đường, mái nhà,... kéo theo bụi bặm và các chất ô nhiễm khác vào nguồn tiếp nhận.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

a) Giai đoạn thi công

Bụi phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật, phá dỡ các công trình hiện trạng; từ hoạt động san nền và đào đắp các hạng mục công trình của dự án; từ hoạt động bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng; từ hoạt động làm sạch bề mặt đường cấp phối bê tông nhựa nóng; hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công các hạng mục công trình của dự án, từ quá trình vệ sinh công trình sau khi thi công hoàn chỉnh,... Thành phần: Bụi, CO, NO₂, SO₂,...

b) Giai đoạn vận hành:

- Phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải ra vào khu vực dự án. Thành phần: Bụi, SO₂, NO_x, CO,...

- Khí thải từ hoạt động đun nấu của người dân trong dự án. Thành phần ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, SO₂, NO₂, CO,...

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường khoảng 15 kg/ngày.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 40 tấn. Thành phần chủ yếu là gốc, rễ cây, lá cây,...

- Đất bóc hữu cơ phát sinh khoảng 32.017,96 m³.

- Chất thải rắn xây dựng (gồm: Gạch vỡ, vữa xi măng thừa, cặn bê tông thừa, chất trơ, đầu mẫu cáp, đầu mẫu ống HDPE, đầu mẫu sắt thép, bao bì carton, nilon,...) phát sinh khoảng 0,43 tấn/ngày.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư, công trình hạ tầng xã hội, công trình y tế, các công trình thương mại, dịch vụ,... phát sinh khoảng 5,7 tấn/ngày đêm.

- Chất thải rắn thông thường khác từ các khu vực công trình hạ tầng xã hội, thương mại dịch vụ, cây xanh, giao thông và hạ tầng kỹ thuật phát sinh khoảng 0,7 tấn/ngày đêm.

- Bùn thải phát sinh từ các bể tự hoại khoảng 2,8m³/ngày.

3.2.2. Chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công: Phát sinh từ hoạt động thi công các hạng mục công trình với tổng khối lượng khoảng 4,6 kg/tháng.

b) Giai đoạn vận hành: Các chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn hoạt động của dự án, bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính khác, bình xịt các loại, bình ắc quy, pin hết công năng sử dụng, thùng và giẻ lau dính dầu mỡ thải ra từ hoạt động của các khu nhà ở, công trình hạ tầng xã hội, công trình dịch vụ, bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật,... Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn này ước tính trung bình khoảng 420 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công: Phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải và máy móc thi công (máy xúc, máy đầm, xe ủi,...).

b) Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án; phát sinh từ các loại máy móc, thiết bị phụ trợ (máy phát điện dự phòng, máy bơm nước; máy thổi khí,...).

3.4. Các tác động khác

a) Giai đoạn thi công

Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án có khả năng ảnh hưởng tới hoạt động kinh tế - xã hội, hệ thống giao thông và có khả năng xảy ra sự cố ngập úng, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ.

b) Giai đoạn vận hành

Hoạt động vận hành dự án có khả năng ảnh hưởng tới hệ thống giao thông, hạ tầng, an ninh trật tự tại khu vực và có khả năng xảy ra nguy cơ sự cố ngập úng, cháy nổ, tắc hệ thống cấp, thoát nước.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động có dung tích 3,0m³/nhà trong công trường thi công để thu gom nước thải sinh hoạt. Định kỳ thuê đơn vị có đủ năng lực đến hút đưa đi xử lý theo quy định (Tần suất khoảng 7 ngày/lần hoặc khi bể chứa đầy), không xả thải ra môi trường.

Quy trình thực hiện: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh di động → Đơn vị chức năng bơm hút, vận chuyển, xử lý.

- Nước thải xây dựng: Bố trí 01 cầu rửa xe tại công trường vào công trường. Xây dựng 01 hố lắng cấu tạo 3 ngăn để thu gom nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, rửa xe đặt dưới cầu rửa xe, hố lắng dung tích 3,0 m³, trước cửa thu vào hố lắng có đặt song chắn bằng lưới sắt để thu gom rác và vớt dầu để tách vớt dầu trên bề mặt. Nước sau lắng cặn, tách vớt dầu, được tuần hoàn tái sử dụng vào mục đích rửa xe, tưới ẩm đường giao thông, giảm thiểu bụi trên công trường thi công. Bùn lắng sau khi được nạo vét sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đi đổ bỏ theo đúng quy định; vớt dầu được thay thế định kỳ, được thu gom, xử lý như chất thải nguy hại. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

Quy trình thực hiện: Nước thải thi công, rửa xe dụng cụ → Hố lắng, bể lắng → Tuần hoàn tái sử dụng để rửa xe, rửa dụng cụ, thiết bị, tưới nước dập bụi trên công trường.

- Nước mưa chảy tràn: Bố trí rãnh thoát nước tạm thời, trên đường rãnh bố trí hố ga lắng cặn kích thước L×B×H khoảng (1,5×1,5×1,2) m/hố, thể tích khoảng 02m³/hố, với khoảng cách trung bình 20 - 30m, hướng thoát nước phù hợp theo thiết kế san nền. Thường xuyên kiểm tra rãnh thoát nước, nạo vét bùn

tại các hố ga để phòng ngừa tắc nghẽn đường cống thoát nước, tránh nguy cơ gây ngập úng.

b) Giai đoạn vận hành

Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- Nước mưa: Tất cả nước mưa từ dự án được thu gom và thoát vào tuyến cống ngầm (hoàn trả kênh ngòi Con Tiên) đi qua khu đất (theo quy hoạch phân khu) thoát ra hệ thống thu gom theo quy hoạch của phân khu 9.

Hệ thống thoát nước sử dụng cống thoát nước mưa BTCT D600 chiều dài 1984m, BTCT D800 chiều dài 318,2m, BTCT D1000 chiều dài 478,8m, BTCT D1200 chiều dài 386,8m, BTCT D1500 chiều dài 229,3m được bố trí trên hệ dọc các trục đường giao thông, cống nổi ga thăm, ga thu sử dụng cống hộp BTCT BXH 2x2500x2500 chiều dài 180m, cống BTCT D400 (nổi giếng thu), chiều dài 1.227m, ga thăm cống hộp 2x2500x2500 02 cái, ga thu nước trực tiếp 163 cái, ga thu thăm kết hợp 104 cái, ga thăm 42 cái, cửa xả 02 cái, cửa phai 01 cái, khoảng cách trung bình giữa các hố ga là 30m bố trí theo quy định hiện hành.

- Đầu nối vào hệ thống thoát nước tại hai vị trí như sau:

+ Điểm đầu nối 01: Đầu nối vào hệ thống cống ngầm của tuyến đường quy hoạch, có tọa độ: X= 2333600; Y= 391914 (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107⁰⁰’, múi chiếu 3⁰).

+ Điểm đầu nối 02: Đầu vào đoạn tuyến kênh tiêu Ngòi Con Tiên hoàn trả theo quy hoạch về phía Đông Nam của dự án, có tọa độ: X= 2333292; Y= 391209 (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107⁰⁰’, múi chiếu 3⁰).

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ở, công trình giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, thương mại dịch vụ, công trình công cộng,... sau khi được xử lý bằng bể tự hoại tự chảy ra hệ thống thu gom nước thải chung của dự án bằng hệ thống cống BTCT D300 chiều dài 2475m và cống BTCT D400 chiều dài 1468m, rãnh xây gạch B600 chiều dài 435m dọc theo các tuyến thoát nước thải tại các điểm chuyển hướng giao nhau có đặt giếng thăm, khoảng cách giữa các giếng thăm đối với cống D300 là khoảng 20-30m/giếng 143 cái, với cống D400 là khoảng 40m/giếng 51 cái, giếng thăm B600 15 cái, giếng tách 01 cái. Đối với các khu vực có độ sâu chôn cống >5m không tự chảy ra hệ thống thu gom nước thải chung của dự án sẽ sử dụng trạm bơm chuyển bậc công suất 20m³/giờ, H=10m để đảm bảo thoát nước.

Tất cả nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn và được đầu nối vào tuyến ống D400 thoát nước thải tại hố ga N-02 của Khu tái định cư số 02 địa điểm tại khu phố Ao Sen, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thuộc Dự án thành phần 7: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc địa phận tỉnh Bắc Ninh thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, nước thải tự chảy về hố ga hiện trạng của hệ thống thoát nước thải phường Từ Sơn và tiếp tục tự chảy về Nhà máy xử lý nước thải Châu Khê (tên cũ là Nhà máy xử lý nước thải thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (giai đoạn 1)) để đầu nối, xử lý nước thải của dự án theo Quy hoạch.

Lượng nước thải của dự án khoảng 476 m³/ngày. Công suất thiết kế của Nhà máy xử lý nước thải Châu Khê 33.000 m³/ngày. Công suất hoạt động thực tế của Nhà máy nước thải Châu Khê năm 2025 trung bình 17.714 m³/ngày. Do vậy, việc đầu nổi và thu gom nước thải về nhà máy xử lý nước thải Châu Khê là hoàn toàn phù hợp với công suất xử lý của nhà máy.

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công:

- Các phương tiện vận chuyển nguyên liệu (đất, cát, đá...), nhiên liệu,... khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển, máy xúc, máy ủi đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy xúc, máy ủi đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Tưới nước trên công trường được thực hiện thường xuyên nhằm giảm lượng bụi phát tán trong không khí, thời gian tưới và mật độ tưới tùy thuộc vào thời tiết.

- Bố trí cầu rửa xe tại vị trí cổng công trường xây dựng, đảm bảo xe chở nguyên vật liệu, đất đá thải ra khỏi công trình phải được rửa sạch bánh, thân xe, bao che đầy đủ mới được lưu hành trên đường.

- Xung quanh khu vực thi công tiến hành xây tường tôn cao 2,0 m cách ly hoàn toàn khu vực thi công với khu vực xung quanh để hạn chế tác động do bụi, khí thải, đồng thời hạn chế những tai nạn đáng tiếc có thể xảy ra.

- Chủ dự án trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân (như: khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động) trong khi làm việc để bảo đảm sức khỏe cho người công nhân lao động.

- Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Không để vảy hàn có nhiệt độ cao tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy, phải có biện pháp an toàn phòng cháy chữa cháy và phương án xử lý cháy, nổ. Trang bị bảo hộ lao động (như: kính, găng tay, khẩu trang...) cho công nhân trực tiếp hàn.

- Đối với bụi phát sinh từ hoạt động làm sạch bề mặt đường cấp phối bê tông nhựa nóng và khí thải từ quá trình tưới nhựa bám dính, thấm bám, rải bê tông nhựa nóng:

- + Trước khi thực hiện công tác thổi bụi để trải bê tông nhựa nóng: Nhà thầu thi công yêu cầu công nhân tiến hành quét dọn bề mặt đường, thu dọn bùn đất rơi vãi. Quá trình quét dọn mặt đường tiến hành liên tục để hạn chế bụi phát tán khi đưa máy thổi bụi vào hoạt động.

- + Sử dụng bê tông nhựa nóng tại các trạm trộn trên địa bàn chờ đến công trình để giảm thiểu tác động do đốt nóng chảy nhựa đường trên công trường.

- Tưới ẩm nhiều lần cho tầng móng liên tục trong vài ngày trước khi dải nhựa; khi thi công qua khu vực gần khu đông dân cư cần hạn chế việc thổi bụi với công suất lớn mà thổi với công suất nhỏ, từ từ; tiến hành phun nước khoanh vùng để hạn chế bụi khuếch tán rộng.

b) Giai đoạn vận hành

- Thực hiện các giải pháp trồng cây xanh tạo cảnh quan cho khu vực dự án, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường.

- Toàn bộ mặt bằng sân, đường được trải nhựa hoặc bê tông hóa.

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh, không để chất thải rắn tồn đọng qua ngày hôm sau và các thùng chứa chất thải rắn đều có nắp đậy.

- Toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh hằng ngày tại khu dân cư được công nhân vệ sinh môi trường sẽ thực hiện thu gom 100% bằng xe đẩy có thùng chứa riêng chất thải rắn hữu cơ, vô cơ và được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển mang đi xử lý hằng ngày, đảm bảo không gây ồn, ứ đọng rác.

- Hạn chế tối đa các mùi gây ô nhiễm như cống phải có nắp, nghiêm cấm phóng uế và vứt rác thải bừa bãi,...

- Định kỳ 06 tháng/lần nạo vét hố ga tiêu thoát nước thải của dự án.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, CTNH

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Chất thải rắn sinh hoạt: Sử dụng 05 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích khoảng 100 - 200 lít, đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; Chủ dự án ký hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: Các chất thải rắn được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định bởi các đơn vị có chức năng thông qua hợp đồng kinh tế. Bố trí khu vực lưu trữ tạm thời chất thải tại vị trí phù hợp với khoảng cách thi công, thu gom chất thải xây dựng để tái sử dụng hoặc thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải rắn thông thường: Bố trí hệ thống các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt chuyên dụng có nắp đậy khoảng cách giữa các thùng trung bình 100m/thùng, dung tích 80 lít - 150 lít/thùng tại vị trí phát sinh như khu vực nhà ở thấp tầng (nhà ở liền kề, biệt thự), khu nhà ở cao tầng (nhà ở xã hội), công trình giáo dục, công trình y tế, công trình văn hóa, thể dục, thể thao, công trình thương mại dịch vụ, khu vực bãi đỗ xe, công trình công cộng và dọc tuyến đường giao thông nội bộ trong khu vực Dự án và các xe đẩy dung tích 500 lít, đảm bảo 100% chất thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Hàng ngày công nhân vệ sinh môi trường sẽ thực hiện thu gom 100% chất thải rắn sinh hoạt trong phạm vi Dự án bằng xe đẩy có thùng chứa

riêng chất thải rắn hữu cơ và vô cơ. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/ngày.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

a) Giai đoạn thi công

Chủ dự án bố trí 1 thùng Container 10 feet lưu chứa chất thải nguy hại, tại đây trang bị 6 thùng chứa loại 50 lít có nắp đậy kín và dán nhãn mã chất thải nguy hại chứa chất thải nguy hại phát sinh; trang bị 3 bình chữa cháy bằng CO₂ loại 5 kg, mùn cưa và các vật dụng chữa cháy khác, lắp đặt các biển cảnh báo theo đúng quy định. Thực hiện phân loại chất thải nguy hại tại nguồn. Chủ dự án ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định với tần suất khoảng 06 tháng/lần hoặc khi đầy.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại trong giai đoạn hoạt động phát sinh từ các khu nhà ở do các hộ dân tự thu gom và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng để xử lý, giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại phát sinh từ dự án.

- Đối với chất thải nguy hại từ các công trình giáo dục, công trình y tế, công trình văn hóa, thể dục, thể thao, công trình thương mại dịch vụ: Chủ dự án bố trí 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 10 m² tại khu vực hạ tầng kỹ thuật. Trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng có nắp đậy kín, dung tích 120 lít/thùng đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh. Các thùng chứa được dán nhãn phù hợp đối với từng loại chất thải nguy hại đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường. Trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng ngừa và ứng phó sự cố như: thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy; vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn. Phía ngoài kho được treo bảng tên kho, nhãn cảnh báo. Phía trong kho, tại các thùng chứa có gắn biển, dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vận hành Dự án theo quy định với tần suất theo thực tế phát sinh.

4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn

a) Giai đoạn thi công

- Lựa chọn, sử dụng máy móc, phương tiện có tiếng ồn thấp, không sử dụng thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.

- Trang bị cho công nhân các phương tiện bảo hộ lao động (mũ bảo hiểm, chóp tai,...) ở vị trí có tiếng ồn lớn, đảm bảo sức khỏe cho công nhân.

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với các phương tiện giao thông, vận chuyển: đây là nguồn gây ồn chỉ mang tính chất gián đoạn và không đáng kể, dự án đã có kế hoạch bố trí bãi để xe riêng biệt.

- Trồng cây xanh dọc vỉa hè hai bên tuyến đường giao thông nội bộ, dải phân cách và các khuôn viên cây xanh nhằm tạo cảnh quan sinh thái, hạn chế khả năng lan truyền tiếng ồn của các phương tiện giao thông, đồng thời thanh lọc, giảm bụi, khí thải khu vực.

4.4. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án thoát nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước tạm thời phải đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án.

- Thiết kế, bố trí rãnh thoát nước tạm thời, trên mương rãnh bố trí hố ga lắng cặn kích thước $L \times B \times H$ khoảng $(1,5 \times 1,5 \times 1,2)$ m/hố, thể tích khoảng $02m^3$ /hố, với khoảng cách trung bình 20 - 30m, hướng thoát nước phù hợp theo thiết kế san nền hướng về các trục đường giao thông.

Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn → Hệ thống rãnh thoát nước, hố lắng → Hệ thống thoát nước chung của khu vực dự án.

- Thực hiện phủ bạt lên phía trên bãi tập kết đất hữu cơ để hạn chế tác động của rửa trôi do nước mưa; che chắn các khu tập kết nguyên vật liệu xây dựng, không tập trung nguyên liệu thi công gần hệ thống thoát nước chung; thường xuyên dọn dẹp công trường thi công, kiểm tra rãnh thoát nước, cống thu gom, nạo vét, khơi thông dòng chảy.

b) Giai đoạn vận hành

Hệ thống thoát nước sử dụng cống thoát nước mưa BTCT D600 chiều dài 1984m, BTCT D800 chiều dài 318,2m, BTCT D1000 chiều dài 478,8m, BTCT D1200 chiều dài 386,8m, BTCT D1500 chiều dài 229,3m được bố trí trên hè dọc các trục đường giao thông, cống nổi ga thăm, ga thu sử dụng cống hộp BTCT BXH $2 \times 2500 \times 2500$ chiều dài 180m, cống BTCT D400 (nổi giếng thu), chiều dài 1.227m, ga thăm cống hộp $2 \times 2500 \times 2500$ 02 cái, ga thu nước trực tiếp 163 cái, ga thu thăm kết hợp 104 cái, ga thăm 42 cái, cửa xả 02 cái, cửa phai 01 cái, khoảng cách trung bình giữa các hố ga là 30m bố trí theo quy định hiện hành.

Đầu nối vào hệ thống thoát nước tại hai vị trí như sau:

+ Điểm đầu nối 01: Đầu nối vào hệ thống cống ngầm của tuyến đường quy hoạch, có tọa độ: $X = 2333600$; $Y = 391914$ (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}00'$, múi chiều 3°).

+ Điểm đầu nối 02: Đầu vào đoạn tuyến kênh tiêu Ngòi Con Tiên hoàn trả theo quy hoạch về phía Đông Nam của dự án, có tọa độ: $X = 2333292$; $Y = 391209$ (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}00'$, múi chiều 3°).

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, GPMB theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề cho các hộ dân bị ảnh hưởng; chỉ triển khai thi công xây dựng dự án sau khi hoàn thành công tác bồi thường, GPMB, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật; quản lý đất hữu cơ bóc bề mặt (đất trồng lúa) được sử dụng cho mục đích trồng cây lâu năm, trồng cây xanh theo quy định của Luật Trồng trọt, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

4.4.3. Hoàn trả kênh mương

- Vị trí hoàn trả: theo Quy hoạch phân khu 9 được phê duyệt theo Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh vị trí hoàn trả kênh tiêu Ngòi Con Tiên được dịch chuyển xuống phía Tây Nam kênh cũ, cách vị trí cũ khoảng 65m.

- Kênh tiêu Ngòi Con Tiên có nhiệm vụ tiêu thoát cho tổng 190ha diện tích lưu vực của phường Đình Bảng (nay thuộc phường Từ Sơn) được hoàn trả bằng hệ thống cống hộp dưới tuyến đường nội khu với khẩu độ $B \times H = 2 \times (2,5 \times 2,5)m$, chiều dài đoạn tuyến cống hộp 190m, cao độ đáy cống + 3,00.

- Hoàn trả xi phông (cống lượn) qua kênh tưới Cống Thôn với khẩu độ $B \times H = 2 \times (2,5 \times 2,5)m$, cao độ đáy xi phông +1,00.

- Phương án thi công mương tạm đầu nổi thoát nước mặt từ vị trí cũ đến cửa xi phông kênh tiêu Ngòi Con Tiên sau khi hoàn trả:

- + Đoạn từ thượng lưu xi phông đến kênh tiêu Ngòi Con Tiên hiện trạng: xây dựng kênh tạm phía Tây (vị trí khu phố Cao Lâm), kênh đất, mặt cắt kênh hình 2 thang, chiều dài khoảng 86m, bề rộng đáy kênh $B = 5,25m$, hệ số mái $m = 1,5$. Cao độ đáy kênh +3,16.

- + Đoạn từ cuối tuyến cống hộp đến đoạn kênh tiêu Ngòi Con Tiên hiện trạng: Xây dựng kênh phía Đông (vị trí điểm đầu nổi số 02), kênh đất, mặt cắt kênh hình thang, chiều dài khoảng 65m, bề rộng đáy kênh $B = 5,25m$, hệ số mái $m = 1,5$. Cao độ đáy kênh +3,00.

- Tất cả nước mưa từ dự án được thu gom và thoát vào tuyến cống ngầm (hoàn trả kênh ngòi Con Tiên) đi qua khu đất (theo quy hoạch phân khu) thoát ra hệ thống thu gom theo quy hoạch của phân khu 9.

4.4.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân; lập các quy tắc an toàn lao động và bắt buộc công nhân thi công công trình phải thực hiện theo đúng quy định đề ra.

- Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý tránh tình trạng tập trung xe chuyên chở với mật độ lớn, đồng thời tuân thủ tuyệt đối quy định về tốc độ khi lưu hành trên các tuyến đường; bố trí nhân sự thực hiện chỉ dẫn đường để phân luồng giao

thông; lắp dựng hàng rào xung quanh công trường thi công; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông.

- Thiết kế độ cao san nền và kích thước hệ thống thu gom, thoát nước mưa đảm bảo năng lực tiêu thoát nước, không gây ngập úng khu vực dự án và xung quanh, phù hợp với quy hoạch có liên quan, đồng bộ với hệ thống tiêu thoát nước của khu vực và phù hợp với ý kiến chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền; thi công các hạng mục công trình và hệ thống tiêu thoát nước của dự án theo đúng thiết kế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thường xuyên khơi thông dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng.

b. Giai đoạn vận hành

- Lập phương án chữa cháy, cứu nạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và hoạt động theo phương án được phê duyệt; lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, thiết bị phòng cháy, chữa cháy cho các công trình của dự án, đảm bảo chất lượng; hệ thống đường giao thông có chiều rộng tối thiểu 3,5m đảm bảo xe chữa cháy có thể lưu thông vào khu vực dự án; đảm bảo thường trực nguồn nước chữa cháy; định kỳ kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị ứng phó cháy nổ, đảm bảo các thiết bị luôn ở trạng thái hoạt động tốt để công tác ứng phó sự cố cháy nổ được thực hiện an toàn; ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy, thoát nạn; thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

- Định kỳ kiểm tra, giám sát hệ thống rãnh thu, hố lắng, khơi thông dòng chảy các hệ thống thoát nước; thường xuyên cập nhật các số liệu về tình hình mưa lũ, ngập lụt tại địa phương và các khu lân cận; phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình ứng phó sự cố ngập lụt do thiên tai; bố trí lực lượng chuyên môn xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra ngập úng cục bộ tại dự án.

- Định kỳ nạo vét các giếng thăm, hố thu nước, cống thoát nước trên hệ thống thu gom nước mưa nhằm đảm bảo năng lực thoát nước tối đa.

- Trường hợp ngập úng xảy ra thì sau ngập úng, tổ chức dọn vệ sinh môi trường công cộng, kiểm tra nguồn nước sử dụng cho sinh hoạt, thực hiện các biện pháp khử trùng, tiêu diệt vi sinh vật gây bệnh nhằm phòng ngừa dịch bệnh phát sinh và lây lan.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu các động xấu đến môi trường nêu tại Mục 4 trong Tờ trình này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước khi tiến hành triển khai thực hiện dự án.

5.2. Giám sát môi trường

5.2.1. Trong giai đoạn xây dựng

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT; định kỳ chuyển giao các loại chất thải này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Giám sát môi trường nước thải sinh hoạt: Dự án sử dụng nhà vệ di động và hợp đồng với đơn vị có chức năng hút định kỳ khi đầy, do đó không có nước thải ra ngoài môi trường nên không phải thực hiện giám sát môi trường nước thải ở giai đoạn này.

- Giám sát không khí:

+ Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 vị trí thi công và 01 vị trí trung tâm dự án).

+ Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, độ ồn, tốc độ gió, bụi lơ lửng, SO₂, CO, NO₂.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí; QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.2.2. Trong giai đoạn vận hành

Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường, như sau:

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và các quy định khác về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của khu đô thị; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Khối lượng đất đào tận dụng lại cho dự án và đất dư thừa vận chuyển đi (nếu có), Chủ dự án phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh để kiểm tra, xem xét) và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Tờ trình này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 588/TTr-SNNMT ngày 10/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.